

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ GÒ CÔNG  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 212/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30-6-2020

V/v “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thừa.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
  1. Ông Hoàng Duy Hùng;
  2. Ông Phạm Danh Hiếu;
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Hồng Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Kim Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 82/2020/TLST–HNGĐ ngày 03 tháng 03 năm 2020 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2020/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm: 19853; (Xin vắng mặt)  
Địa chỉ: ấp GT, xã LT, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang;
2. *Bị đơn:* Anh Phan Cao T, sinh năm: 1977; (Vắng mặt)  
Địa chỉ: ấp GT, xã LT, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 03 tháng 03 năm 2020, bản tự khai, quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

Chị và anh T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 2007 và được Ủy ban nhân dân Phường H, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 36/HT ngày 31 tháng 10 năm 2007. Sau khi cưới, thời gian đầu sống hạnh phúc sau đó thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mặc dù đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên đã ly thân từ

đầu năm 2016 cho đến nay. Do hiện tại tình cảm không còn chị H yêu cầu ly hôn với anh T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Cao Ng, sinh ngày 22/11/2010 và Phan Ngọc Kim Ng, sinh ngày 01/5/2016. Khi ly hôn chị H yêu cầu nuôi con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng 3.000.000 đồng mỗi tháng nuôi 02 con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn anh Phan Cao T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng anh vắng mặt không lý do, không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị H.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị H có đơn khởi kiện đối với anh T. Bị đơn anh T hiện đang cư trú tại xã LT, thị xã GC nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị H xin ly hôn với anh T, căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn”.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị H có đơn xin vắng mặt; Bị đơn anh T vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ. Căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[4]. Về yêu cầu của đương sự:

Về hôn nhân: Chị H chung sống với anh T từ năm 2007 và được Ủy ban nhân dân Phường H, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 36/HT ngày 31 tháng 10 năm 2007 nên quan hệ hôn nhân của Anh và Chị là hợp pháp. Thời gian chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mặc dù đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Đối với bị đơn anh T từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay vắng mặt không lý do, cho thấy anh T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa anh T và chị H đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian ly thân đã lâu mà chị H và anh T cũng không

có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị H là có cơ sở để chấp nhận. Căn cứ vào Điều 56 luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Cao Ng, sinh ngày 22/11/2010 và Phan Ngọc Kim Ng, sinh ngày 01/5/2016, hiện đang sống chung với chị H. Khi ly hôn chị H yêu cầu nuôi 02 con chung, anh T không có ý kiến gì về con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy hiện tại chị H có nghề nghiệp và thu nhập ổn định (có xác nhận của chính quyền địa phương), trong thời gian ly thân 02 cháu Ng và Ng sống chung với chị H nên đã quen với môi trường sinh sống. Do đó giao 02 cháu Ng và Ng cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng 3.000.000 đồng mỗi tháng để nuôi 02 con chung (mỗi cháu 1.500.000đồng), thời gian cấp dưỡng lần đầu sau khi án có hiệu lực cho đến khi 02 cháu Ng và Ng đủ 18 tuổi. Theo biên bản xác minh ngày 27/03/2020 của Tòa án thì anh T hiện tại có làm nghề buôn bán có thu nhập ổn định. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, việc yêu cầu cấp dưỡng của chị H là có cơ sở được chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Các Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc H. Chị Nguyễn Thị Ngọc H được ly hôn với anh Phan Cao T.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc H được trực tiếp nuôi 02 con chung tên Phan Cao Ng, sinh ngày 22/11/2010 và Phan Ngọc Kim Ng, sinh ngày 01/5/2016.

Buộc anh T cấp dưỡng 3.000.000 đồng mỗi tháng để nuôi con chung (mỗi cháu 1.500.000 đồng), thời gian cấp dưỡng lần đầu sau khi án có hiệu lực cho đến khi 02 cháu Ng và Ng đủ 18 tuổi.

Anh T được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu phần tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 43678 ngày 03 tháng 03 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị H đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Anh Phan Cao T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TXGC;
- Chi cục THADS TXGC;
- UBND PH, TXGC;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**Nguyễn Văn Thừa**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**  
**THỊ XÃ GÒ CÔNG**  
**TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Gò Công, ngày 30 tháng 6 năm 2020

## BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào lúc 10 giờ ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thừa.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Danh Hiếu;

2. Ông Hoàng Duy Hùng;

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 82/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 03 năm 2020 về việc tranh chấp “ly hôn” giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc Huệ, sinh năm: 1981; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Gò Tre, xã Long Thuận, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang;

2. *Bị đơn:* Anh Phan Cao Tuấn, sinh năm: 1983; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Gò Tre, xã Long Thuận, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật*

### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: tranh chấp “Ly hôn”.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

2. Về điều luật áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Các Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%)

3. Quyết định xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc Huệ. Chị Nguyễn Thị Ngọc Huệ được ly hôn với anh Phan Cao Tuấn.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc Huệ được trực tiếp nuôi 02 con chung tên Phan Cao Nguyên, sinh ngày 22/11/2010 và Phan Ngọc Kim Ngân, sinh ngày 01/5/2016.

Buộc anh Tuấn cấp dưỡng 3.000.000 đồng mỗi tháng để nuôi con chung (mỗi cháu 1.500.000 đồng), thời gian cấp dưỡng lần đầu sau khi án có hiệu lực cho đến khi 02 cháu Nguyên và Ngân đủ 18 tuổi.

Anh Tuấn được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu phần tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng thời gian chưa thi hành án.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc Huệ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 43678 ngày 03 tháng 03 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị Huệ đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Anh Phan Cao Tuấn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%)

- Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

Biên bản kết thúc 10 giờ 30 phút ngày 30 tháng 6 năm 2020, có đọc lại cho các thành viên Hội đồng xét xử nghe và đồng ý ký tên.

**Thành viên Hội đồng xét xử**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Thừa**